

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **633/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 18 tháng 6 năm 2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Văn Nhất.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Lâm Thị Nga – Nguyên bí thư đoàn

2/ Bà Võ Thị Lãnh – Cán bộ Hội phụ nữ phường Thạnh Xuân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thảo Hoàng Trúc - Cán bộ Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2024/TLST-HN, Ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 599/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1993

HKTT: 478, ấp Hòa T, xã An Phú Th, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

Trú tại: B, Nguyễn Văn Q, tổ 5, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Minh T**, sinh năm 1992

HKTT: A, ấp Hòa Th, xã An Phú Th, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

Trú tại: A, Nguyễn Văn Q, tổ 5, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tôi và ông Phạm Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2015, Giấy chứng nhận kết hôn số 063 do Ủy ban nhân dân xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/11/2015. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng tăng và không thể hàn gắn. Lý do ông Phạm Minh T thường xuyên nhậu về chửi, la mắng vợ con đến tận đêm khuya. Có lần 12 giờ đêm đuổi vợ con ra khỏi phòng trọ, bà Thanh phải xin ban giám hiệu Nhà trường cho ba mẹ con ở nhờ một thời gian. Ngoài ra, ông Thông nhiều lần cờ bạc, tiền vàng khi cưới ông Thông lấy đi đánh bạc hết. Khi bà Thanh về quê để sanh con đầu có yêu cầu ông Thông đưa vàng để lấy tiền chăm sóc con mới sanh nhưng ông Thông nói không còn.

Mặc dù gia đình nhiều lần khuyên can nhưng ông Thông không từ bỏ cờ bạc. Trong đó có lần vào ngày 30 tết âm lịch bà Thanh đưa tiền cho ông Thông để sắm tết. Sáng mùng 01 tết bà Thanh phải đi làm thêm nên giao con cho ông Thông chăm sóc. Nhưng ông Thông vẫn bỏ các con ở nhà trọ để đi đánh bạc từ sáng đến tối mới về, để mặc con đầu 6 tuổi và con sau 09 tháng tuổi ở nhà khát sữa và đói. Ông Thông thua bạc bỏ trốn, mùng 03 tết các chủ nợ đến đòi nợ chửi bới làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Bà Thanh nhiều lần tha thứ vay mượn tiền người quen để trả nợ cho ông Thông nhưng ông Thông không sửa đổi. Hiện nay bà Thanh còn đang trả nợ các khoản vay trước đó, bà Thanh cảm thấy hai vợ chồng không thể nào hòa hợp chung sống với nhau được nữa. Nay bà Thanh yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Phạm Minh T

- Về con chung: có 02 con chung – Phạm Kim N, sinh ngày 19/4/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/7/2016. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi 02 con Phạm Kim N và Phạm Minh K. Hiện nay bà Thanh đang là giáo viên tiểu học có thu nhập, không yêu cầu ông Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phạm Minh T trình bày: Đúng là tôi và bà Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2015, Giấy chứng nhận kết hôn số 063 do Ủy ban nhân dân xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/11/2015. Bản thân tôi có lỗi do cờ bạc, hiện nay đang đi làm lấy tiền trả nợ. Tôi không muốn ly hôn vì còn yêu thương vợ con. Nếu phải ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con Phạm Minh K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ kiện ly hôn, ông Phạm Minh T là bị đơn và đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự.

- Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào các lời khai của đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Minh T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 063 do Ủy ban nhân dân xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 04/11/2015. Có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Minh T là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Minh T tự nguyện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh T và yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Minh T thừa nhận cờ bạc gây ra khoản nợ làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Nhưng bản thân còn yêu thương vợ con, không đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hòa giải đoàn tụ gia đình. Nếu phải ly hôn, ông Phạm Minh T yêu cầu được nuôi con Phạm Minh K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xác minh, tại kết quả xác minh của UBND phường Đông Hưng Thuận xác định mâu thuẫn “Trước đây thường xảy ra mâu thuẫn trong gia đình”.

Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên thời gian để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, ông Phạm Minh T không đề ra kế hoạch có tính khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy những chứng cứ trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Minh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung – Phạm Kim N, sinh ngày 19/4/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/7/2016. Hiện nay cả 2 con đang ở với bà Nguyễn Thị T, bà Thanh yêu cầu được nuôi 2 con chung. Bà Thanh có công việc và thu nhập ổn định, không yêu cầu ông Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi 2 con. Tại bản tự khai của trẻ Phạm Minh K có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy yêu cầu của bà Thanh là chính đáng và phù hợp. Hội đồng xét xử quyết định giao 2 trẻ Phạm Kim N và Phạm Minh K và cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Minh T theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 179; Điều 199; Điều 200; Điều 208; Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn đối với ông Phạm Minh T

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng kết hôn số 063 do Ủy ban nhân dân xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày

04/11/2015 cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Minh T không còn giá trị pháp luật.

2/ Về con chung: có 02 con chung – Phạm Kim N, sinh ngày 19/4/2021 và Phạm Minh K, sinh ngày 28/7/2016. Giao 2 trẻ Phạm Kim N, Phạm Minh K cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Minh T theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu. Được miễn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0021985 ngày 15/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- UBND xã An Phú Thuận;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất